

Bản án số: 150/2023/DS-PT
Ngày: 06 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Tnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;
Ông Nguyễn Chí Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/3/2023 và 06/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLPT-DS ngày 09/02/2023 về Tranh chấp về hụi;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 177, đường Hùng Vương, Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2023).

- *Bị đơn:*

1. Đặng Thị T, sinh năm 1963;

2. Nguyễn Bá K, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K và bà T là: Bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 29, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, Tnh phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023).

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trước đây, bà có tổ hùn vốn xoay vòng (Gọi là hụi) do bà làm chủ hụi, bà có cho bà Đặng Thị T và chồng là ông Nguyễn Bá K tham gia chơi hụi từ tháng 10/2011 cho đến tháng 7/2014. Bà có mở tổng cộng là 13 dây hụi gồm: 08 dây hụi 1.000.000 đồng/dây và 05 dây hụi 500.000 đồng/dây. Bà T tham gia chơi hụi ghi trong danh sách hụi tên chồng là “3 K”, bà T đã hốt hụi nhưng kể từ tháng 02/2013 không đóng hụi đầy đủ, hiện còn nợ bà cụ thể như sau:

1/ Dây khui ngày **05/10/2011** (Âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 05/10/2011 - 05/6/2013), gồm 22 phần, vợ chồng bà T tham gia 03 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 05/10/2011, hốt với số tiền 5.800.000 đồng (hốt kỳ thứ 1), đã đóng được 16 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 2.500.000 đồng.

+ Ngày 05/02/2012, hốt với số tiền 7.580.000 đồng (hốt kỳ thứ 5), đã đóng được 12 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 2.500.000 đồng.

+ Ngày 05/4/2012 hốt với số tiền 7.600.000 đồng (hốt kỳ thứ 7), đã đóng được 10 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 2.500.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **7.500.000** đồng.

2/ Dây khui ngày **05/10/2011** (Âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 05/10/2011 - 05/6/2013), gồm 22 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 05/10/2011, hốt với số tiền 5.500.000 đồng (hốt kỳ thứ 1), đã đóng được 16 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 2.500.000 đồng.

+ Ngày 05/4/2012, hót với số tiền 7.360.000 đồng (hót kỳ thứ 7), đã đóng được 10 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 2.500.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **5.000.000** đồng.

3/ Dây khui ngày 10/12/2011 (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 10/12/2011 – 10/6/2013), gồm 20 phần, vợ chồng bà T tham gia 03 phần và hót (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 10/12/2011, hót với số tiền 11.380.000 đồng (hót kỳ thứ 1), đã đóng được 14 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 5.000.000 đồng.

+ Ngày 10/3/2012, hót với số tiền 12.360.000 đồng (hót kỳ thứ 4), đã đóng được 10 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 5.000.000 đồng.

+ Ngày 10/5/2012, hót với số tiền 14.050.000 đồng (hót kỳ thứ 6), đã đóng được 9 kỳ, còn lại 5 kỳ chưa đóng là 5.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **15.000.000** đồng.

4/ Dây khui ngày 20/02/2012 (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 20/02/2012 – 20/8/2013), gồm 20 phần, vợ chồng bà T tham gia 03 phần và hót (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 20/5/2012, hót với số tiền 11.720.000đ (hót kỳ thứ 4), đã đóng được 9 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

+ Ngày 20/6/2012 hót, với số tiền 11.850.000đ (hót kỳ thứ 5), đã đóng được 8 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

+ Ngày 20/8/2012, hót với số tiền 13.160.000 đồng (hót kỳ thứ 7), đã đóng được 6 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **21.000.000** đồng.

5/ Dây khui ngày 25/4/2012 (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 25/4/2012 – 25/9/2013), gồm 19 phần, vợ chồng bà T tham gia 01 phần và hót (lĩnh) hụi như sau:

Ngày 25/4/2012, hót với số tiền 9.950.000 đồng (hót kỳ thứ 1), đã đóng được 10 kỳ, còn lại 8 kỳ chưa đóng là 8.000.000 đồng.

Số tiền chưa đóng còn nợ lại là **8.000.000** đồng.

6/ Dây khui ngày **25/4/2012** (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 25/4/2012 – 25/8/2013), gồm 18 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 25/6/2012, hốt với số tiền 11.000.000 đồng (hốt kỳ thứ 3), đã đóng được 8 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

+ Ngày 25/9/2012, hốt với số tiền 13.520.000 đồng (hốt kỳ thứ 6), đã đóng được 5 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này là **14.000.000** đồng.

7/ Dây khui ngày **25/4/2012** (Âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 25/4/2012 – 25/5/2014), gồm 26 phần, vợ chồng bà T tham gia 03 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 25/5/2012, hốt với số tiền 6.650.000 đồng (hốt kỳ thứ 2), đã đóng được 9 kỳ, còn lại 15 kỳ chưa đóng là 7.500.000 đồng.

+ Ngày 25/8/2012, hốt với số tiền 7.400.000đ đồng (hốt kỳ thứ 5), đã đóng được 6 kỳ, còn lại 15 kỳ chưa đóng là 7.500.000 đồng.

+ Ngày 25/11/2012, hốt với số tiền 8.815.000 đồng (hốt kỳ thứ 8), đã đóng được 3 kỳ, còn lại 15 kỳ chưa đóng là 7.500.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **22.500.000** đồng.

8/ Dây khui ngày **15/5/2012** (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 15/5/2012 – 15/10/2013), gồm 18 phần, vợ chồng bà T tham gia 01 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

Ngày 15/10/2012, hốt với số tiền 11.800.000 đồng (hốt kỳ thứ 6), đã đóng được 3 kỳ, còn lại 9 kỳ chưa đóng số tiền là **9.000.000** đồng.

9/ Dây khui ngày **15/5/2012** (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 15/5/2012 – 15/8/2013), gồm 16 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 15/5/2012, hốt với số tiền 7.850.000 đồng (hốt kỳ thứ 1), đã đóng được 8 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2012, hốt với số tiền 9.060.000 đồng (hốt kỳ thứ 4), đã đóng được 5 kỳ, còn lại 7 kỳ chưa đóng là 7.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **14.000.000** đồng.

10/ Dây khui ngày **15/5/2012** (Âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 15/5/2012 – 15/12/2013), gồm 20 phần, vợ chồng bà T tham gia 01 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

Ngày 15/6/2012, hốt với số tiền 4.620.000 đồng (hốt kỳ thứ 2), đã đóng được 7 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa đóng là **5.500.000** đồng.

11/ Dây khui ngày **15/5/2012** (Âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 15/5/2012 – 15/12/2013), gồm 20 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 15/6/2012, hốt với số tiền 4.620.000 đồng (hốt kỳ thứ 2), đã đóng được 7 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa đóng là 5.500.000 đồng.

+ Ngày 15/9/2012, hốt với số tiền 6.750.000 đồng (hốt kỳ thứ 5), đã đóng được 4 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa đóng là 5.500.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **11.000.000** đồng.

12/ Dây khui ngày **30/11/2012** (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 30/11/2012 – 30/6/2014), gồm 21 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 30/11/2012, hốt với số tiền 10.300.000 đồng (hốt kỳ thứ 1), đã đóng được 3 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa đóng là 17.000.000 đồng.

+ Ngày 30/02/2013, hốt với số tiền 12.970.000 đồng (hốt kỳ thứ 4), chưa đóng được kỳ nào, còn lại 17 kỳ chưa đóng là 17.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **34.000.000** đồng.

13/ Dây khui ngày **30/11/2012** (Âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần (Từ ngày 30/11/2012 – 30/6/2014), gồm 21 phần, vợ chồng bà T tham gia 02 phần và hốt (lĩnh) hụi như sau:

+ Ngày 30/12/2012, hốt với số tiền 10.480.000 đồng (hốt kỳ thứ 2), đã đóng được 2 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa đóng là 17.000.000 đồng.

+ Ngày 30/01/2013, hốt với số tiền 11.320.000 đồng (hốt kỳ thứ 3), đã đóng được 01 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa đóng là 17.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ của dây hụi này tổng cộng là **34.000.000** đồng.

Tổng cộng 13 dây hụi còn nợ số tiền là 200.500.000 đồng (Hai trăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bà T còn nợ tiền mượn hội và tiền bù các dây hội mượn hốt, cụ thể:

+ Hội 500.000 đồng ngày 05/10/2011 mượn hốt 02 phần là 20.600.000 đồng (Ngày 05/6/2012 mượn của chủ hội hốt 02 phần, mỗi dây hội 01 phần).

+ Hội 1.000.000 đồng ngày 10/12/2011 mượn hốt 01 phần là 18.600.000 đồng (Ngày 10/6/2012 mượn của chủ hội hốt 01 phần).

+ Hội 500.000 đồng ngày 15/5/2012 mượn hốt 3 phần là 27.900.000 đồng (Ngày 15/12/2012 mượn của chủ hội hốt 3 phần).

+ Hội 1.000.000 đồng ngày 25/4/2012 mượn hốt 02 phần là 34.200.000 đồng (Ngày 25/8/2012 mượn của chủ hội hốt 01 phần là 16.600.000 đồng; Ngày 25/9/2012 mượn của chủ hội hốt 01 phần là 17.600.000 đồng).

Tổng tiền mượn hội là 101.300.000 đồng và tổng tiền bù các dây hội đã mượn hốt là 16.550.000 đồng. Như vậy, tổng tiền mượn hội và bù hội là 117.850.000 đồng.

Từ ngày hốt hội xong của các dây hội, bà T có đóng hội chết đến tháng 02/2013 thì không đóng nữa, nên năm 2013 bà có khởi kiện bà T đến Tòa án huyện T. Sau đó, Tòa án chuyển hồ sơ qua Công an huyện T để giải quyết. Công an mời làm việc và có yêu cầu bà lập danh sách các dây hội, tên và chữ ký của các hội viên để nộp cho Công an. Do thời gian lâu, có một số người đi làm ăn xa không còn ở địa phương nên họ không có ký tên vào danh sách như Công an yêu cầu. Quá trình giải quyết Công an xác định đây là giao dịch dân sự nên hướng dẫn bà tiếp tục khởi kiện tại Tòa án huyện T. Nhưng do bà bị bệnh ung thư nên phải điều trị thời gian dài đến năm 2020 sức khỏe của bà mới ổn định nên bà mới tiếp tục khởi kiện vợ chồng bà T, ông K cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thúy H là người đại diện của bà Nguyễn Thị N xác định do không am hiểu pháp luật nên khi làm Đơn khởi kiện trình bày nội dung chưa rõ ràng tiền nợ hội, mượn hội và bù hội. Qua các buổi làm việc, H giải tại Tòa án thì chị khẳng định lời trình bày nêu trên của bà N là sau cùng và đúng sự thật. Bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mượn hội và bù hội là 117.850.000 đồng. Bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K cùng liên đới trả số tiền nợ hội là 200.500.000 đồng của 13 dây hội nêu trên, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Đặng Thị T và Nguyễn Bá K trình bày:

Nhà của ông bà cách nhà bà N khoảng 04 cái nhà, ông bà không có bà con gì với bà N, chỉ là hàng xóm với nhau, tên thường gọi của ông K là 3 K, bà T là vợ của ông K.

Vào năm 2011, bà N có rủ bà T chơi hụi do bà N làm chủ hụi. Việc bà T chơi hụi không có cho chồng là ông K biết, vì ông K sẽ không cho chơi hụi. Bà T tham gia chơi hụi bao nhiêu dây và hốt bao nhiêu tiền, đóng bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, vì thời gian lâu quá. Đến năm 2013, bà N có thừa vợ chồng bà đến Công an huyện T. Khi Công an điều tra Nguyễn Văn Hiền mời làm việc, bà T có làm Tờ tường trình ghi rõ các dây hụi đã chơi với bà N và các bên đã đối chiếu với nhau về các dây hụi, các lần hốt hụi, các lần đóng hụi thì xác định số tiền mà bà T hốt hụi thì ít, mà số tiền đóng hụi chết rất nhiều và danh sách hụi của bà N có dấu hiệu tẩy xóa, có hụi ma nên ông Hiền động viên hai bên xử H xem như không ai còn nợ ai nên bà N mới không tiếp tục kiện ông bà cho đến nay. Khi làm việc thì ông Hiền có lập biên bản và các bên cùng ký tên vào biên bản. Nay, do lâu quá nên bà T không còn nhớ rõ các dây hụi đã chơi với bà N, nhưng bà T còn nhớ là bà Hai On, Linh con bà Trương Thị Danh, bà 3 Còn nhà ở gần xóm có chơi hụi cùng với bà. Bà T không có mượn tiền hụi của bà N hoặc mượn hụi của bà N để hốt. Ngoài việc chơi hụi với bà N, từ trước đến nay bà T không tham gia chơi hụi với bất cứ ai khác.

Riêng, đối với ông K thì việc chơi hụi giữa bà N với vợ ông là bà T thì ông không biết. Từ trước đến nay bà T không đem bất cứ khoản tiền nào từ việc chơi hụi về cho gia đình. Từ trước đến nay ông K cũng không tham gia chơi hụi với bất cứ ai.

Việc chơi hụi với bà N thì sổ sách hụi là do bà N giữ, bà N không có đưa bất cứ giấy tờ gì cho bà T lưu giữ. Trong danh sách hụi bà N ghi tên của bà T là “3 K” tên chồng của bà T, chứ thực tế người chơi hụi là bà T, ông K hoàn toàn không biết. Việc khai hụi, là do bà N đến nhà bà T kêu bà T qua nhà bà N để khai hụi. Khi hốt hụi thì cân trừ các dây hụi khác hết, chứ từ trước đến khi bà N bẻ hụi thì bà T không có nhận bất cứ khoản tiền hụi nào từ bà N.

Sau khi được Tòa án cung cấp bản photo Đơn khởi kiện và các danh sách hụi, bảng kê chi tiết việc chơi hụi do phía Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thì bà cũng không nhớ ra được số dây hụi mà bà đã từng tham gia chơi với

bà N, cũng không nhớ được số tiền đã hót hụi, số tiền đóng hụi là bao nhiêu. Việc chơi hụi bà T không có giữ bất kỳ giấy tờ gì. Hiện nay, bà cũng không nhớ rõ buổi làm việc tại Công an huyện T là đối chiếu số nợ đã chơi hụi và đã đóng hụi là bao nhiêu, chỉ nhớ là số tiền đóng hụi nhiều hơn số tiền hót hụi nên cán bộ điều tra kêu hai bên xử H nên bà N rút đơn lại. Bà có liên hệ Công an để xin biên bản nhưng do lâu quá nên đã thất lạc, không còn để cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, ông bà không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền mượn hụi và bù hụi là 117.850.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi là 200.500.000 đồng (hai trăm triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2022 bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 87/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chơi hụi của các đương sự do bà N (Chủ hụi) tự ghi sổ để theo dõi, việc giao nhận hụi không có chữ ký xác nhận của hai bên và khi mãn hụi không có chốt sổ để xác nhận nợ.

Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng như: Bà Nguyễn Thị Sen Hường (3 Còn), bà Trương Thị Thu Ba (2 On), bà Nguyễn Thị Nương (Niều), bà Nguyễn Thị Phúc, bà Võ Thị Phụng (6 Lập) đều khai từ năm 2011 các bà có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà N làm chủ hụi. Tất cả các dây hụi mà các bà chơi đều có bà T tham gia chơi và ghi tên là “3 K”. Căn cứ vào sổ hụi do bà N cung cấp cho Tòa án gồm có 13 dây hụi, trong đó có ghi tên những người làm chứng nêu trên tham gia và có tên “3 K”. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định bà T có tham gia chơi 13 dây hụi như bà N trình bày và còn nợ số tiền 200.500.000đ.

[2] Bà T cho rằng bà đã đóng hụi cho bà N xong không còn nợ, nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh và bà N cũng không thừa nhận. Do đó, bà phải có nghĩa vụ trả cho bà N 200.500.000đ nêu trên.

[3] Đối với ông Nguyễn Bá K không thừa nhận có tham gia chơi hụi và cho rằng bà T cũng không có mang tiền hụi về sử dụng chung trong gia đình nên không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà N. Xét thấy, ông K không thừa nhận các nội dung nêu trên nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông cam kết là nếu Tòa án có căn cứ xác định vợ ông là bà T còn nợ tiền hụi bà N thì ông đồng ý liên đới trả nợ với bà T, cụ thể là sẽ bán một phần đất để trả nợ. Vì vậy, ông cũng phải có nghĩa vụ liên đới với bà T trả nợ cho bà N.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà T và ông K cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T và ông K.

[4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T và ông K mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền mượn hụi và bù hụi là 117.850.000 đồng.
4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.
5. Buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N tiền nợ hụi là 200.500.000 đồng (Hai trăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

+ Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008062 ngày 05/10/2022 và số 0008141 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

+ Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Bá K phải chịu 10.025.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bà N là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt